

TIẾT 91. KI-LÔ-MÉT VUÔNG

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) Bốn trăm bảy mươi hai ki-lô-mét vuông viết là: 472km^2 . ☐
- b) Năm nghìn không trăm bảy mươi lăm ki-lô-mét vuông viết là: 575km^2 . ☐
- c) 9305km^2 đọc là: Chín nghìn ba trăm linh lăm ki-lô-mét vuông. ☐
- d) 7035km^2 đọc là: Bảy nghìn không trăm ba mươi lăm ki-lô-mét vuông. ☐

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $5\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$
 $3\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$
 $4\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

- b) $2\text{m}^2\ 35\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$
 $14\text{m}^2\ 5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$
 $12\ 000\ 000\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{km}^2$

Bài 3. Nối (theo mẫu):

$60\ 000\ 000\text{m}^2$	$5\text{m}^2\ 40\text{dm}^2$	$6\ 000\ 000\text{m}^2$	$5\text{m}^2\ 4\text{dm}^2$
6km^2	60km^2	504dm^2	540dm^2

Bài 4. Nối (theo mẫu):

Diện tích sân bóng đá	50m^2
Diện tích phòng học	$15\ 000\text{m}^2$
Diện tích sân trường	7000km^2
Diện tích một tỉnh	1000m^2